

Bản án số: **16/2018/HNGĐ-ST**
Ngày 26 - 6 - 2018

*“V/v: Kiện xin ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phiêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Văn Dũng.
2. Bà Hoàng Thị Tám.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Luân - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đắk Song tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 91/2018/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp “Kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song giữa các đương sự;

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần H; có mặt

Địa chỉ: Tổ A, xã BK, huyện ĐS, tỉnh Đắk Nông.

2. *Bị đơn:* Bà Lưu Thị KĐ; có mặt.

Địa chỉ: Thôn M, xã NB, huyện ĐS, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/5/2018 và các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần H trình bày: Ông H và bà KĐ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 nhưng không có đăng ký kết hôn với nhau. Việc chung sống hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Quá trình chung sống có với nhau 01 con chung tên là Trần QH1, sinh ngày 01/01/2007. Trong cuộc sống hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai người bất đồng quan điểm sống. Nay ông H không còn tình cảm với bà KĐ nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần H xin ly hôn cùng với bà Lưu Thị KĐ.

Về con chung: Ông Trần H xin nuôi cháu Trần QH1, sinh ngày 01/01/2007 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu bà KĐ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Lưu Thị KĐ trình bày: Bà KĐ thừa nhận quá trình chung sống, tình trạng hôn nhân, con chung và mâu thuẫn trong hôn nhân như ông H trình bày. Nay ông H xin ly hôn bà KĐ đề nghị Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà cũng đồng ý ly hôn cùng với ông H.

Về con chung: Bà KĐ đồng ý cho ông Trần H được nuôi cháu Trần QH1, sinh ngày 01/01/2007 đến tuổi trưởng thành và yêu cầu ông H nuôi dưỡng đảm bảo về mọi mặt cho cháu.

Về tài sản chung: Bà KĐ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau:

Qua nghiên cứu đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, Thẩm tra viên và những người tham gia tố tụng thì thấy: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, Thẩm tra viên đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và việc thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong vụ án: Các bên đương sự chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Nguyên đơn ông Trần H khởi kiện bà Lưu Thị KĐ về “Kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS. Bị đơn có địa chỉ (tạm trú) tại Thôn M, xã NB, huyện ĐS, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần H và bà Lưu Thị KĐ tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006 không có đăng ký kết hôn ở cơ quan có thẩm quyền. Từ năm 2006 đến nay ông H và bà KĐ cũng không đi đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định. Việc ông H và bà KĐ tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006 đến nay mà không có đăng ký kết hôn với nhau thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ chồng nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định:

1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.

2. ..”

Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì *‘Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 Luật này’*.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống ông Trần H và bà KĐ có với nhau 01 con chung là Trần QH1, sinh ngày 01/01/2007. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông H yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Cháu QH1 thuộc trường hợp trên 07 tuổi (chưa đủ 18) nên Tòa án đã xem xét nguyện vọng của cháu thì nguyện vọng của cháu là muốn được sống với bố. Để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của con, cũng như nguyện vọng của con HĐXX thấy cần giao cháu Trần QH1, sinh ngày 01/01/2007 cho ông Trần H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp, hơn nữa trong quá trình giải quyết bà KĐ cũng đồng ý để ông H nuôi dưỡng con chung là cháu QH1 đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con ông Trần H không yêu cầu bà KĐ cấp dưỡng nuôi con chung vì vậy HĐXX không xem xét vấn đề này.

Bà KĐ được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cấm.

Bà KĐ không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà KĐ.

[4] Về tài sản chung: Các bên đơn không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và phát biểu quan điểm về nội dung vụ án có cơ sở và căn cứ nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Nguyên đơn thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần H.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Trần H và bà Lưu Thị KĐ là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Trần QH1, sinh ngày 01/01/2007 cho ông Trần H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu QH1 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Bà Lưu Thị KĐ được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cấm.

Bà Lưu Thị KĐ không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông Trần H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà KĐ.

Hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ông Trần H phải chịu toàn bộ số tiền trên. Miễn toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm cho ông Trần H.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu HSVÀ. VPTA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa
Đã ký và đóng dấu

Phạm Văn Phiêm